TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày: 28/3/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Kim Oanh**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Vũ Vương**
Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thuỷ** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng *tham gia phiên tòa*: **Bà Lê Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/ 2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở chính: Số xx N, phường V, quận xx, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S - Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn D- Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan A- Nhân viên (theo Giấy ủy quyền số 283/2025/UQ-TGĐ ngày 22/01/2025). Có đơn xin xét xử vắng mặt. Vắng mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Bà Nguyễn Bích H, sinh năm 1979; HKTT: Số xx phố H, phường H, quận H, Hà Nội. Nơi cư trú cuối cùng: Số xx ngõ xx phố V, phường V, quận H, Hà Nội. (*Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2023, bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Nguyễn Bích H ký ngày 14/11/2014 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng- gọi chung

là Hợp đồng, S đã cấp cho bà H 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất, phí được quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của S. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H đã giao dịch với tổng số tiền là 22.999.000 đồng và thanh toán cho S số tiền là 18.194.000 đồng sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thông báo giao dịch hàng tháng, vi phạm Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ. Ngày 06/02/2017, S đã chuyển khoản nợ thẻ của bà H sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Nay S khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán khoản nợ tạm tính đến ngày 28/3/2025 gồm: Nợ gốc 9.502.187 đồng, lãi quá hạn là 30.369.195 đồng. Tổng cộng là **39.871.382 đồng** *(Ba mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm tám mươi hai đồng).* Ngoài ra bà H còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 29/3/2025 theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cho đến ngày trả dứt nợ gốc.

Bị đơn- bà Nguyễn Bích H qua xác minh có đăng ký HKTT tại địa chỉ số xx phố H, phường H, quận H, Hà Nội. Ngày 06/3/2024 Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý vụ án, quá trình Toà án Hoàn Kiếm giải quyết vụ án, được Công an phường H, quận H cung cấp hiện bà H không còn cư trú tại địa chỉ số xx phố H, phường H, quận H, Hà Nội mà đã chuyển về sinh sống tại địa chỉ số xx ngõ xx phố V , phường V, quận H, Hà Nội từ năm 2020 nên đã chuyển vụ án về Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành xác minh xác định bà H hiện đang sinh sống tại địa chỉ số xx ngõ xx V, phường V, quận H, Hà Nội. Toà án tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác đối với bà H nhưng không tống đạt được do bà H thường xuyên không có nhà, vắng mặt tại nơi cư trú. Toà án đã tiến hành thực hiện việc niêm yết đối với bà H theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn niêm yết bà H không đến Tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn nên Toà án không lấy được lời khai và ý kiến quan điểm về việc giải quyết vụ án đối với bà H. Do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên toà.

Bị đơn bà Nguyễn Bích H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xác định Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/11/2014 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng- gọi chung

là Hợp đồng giữa bà Nguyễn Bích H ký và Ngân hàng S được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao dịch. Về nợ gốc và yêu cầu nợ lãi: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc bà H phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/3/2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/11/2014 gồm: Nợ gốc là 9.502.187 đồng, lãi quá hạn là 30.369.195 đồng. Tổng cộng là **39.871.382 đồng.** Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Nguyễn Bích H; HKTT: Số xx phố H, phường H, quận H, Hà Nội. Nơi cư trú cuối cùng: Số xx ngõ xxV, phường V, quận H, Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Theo cung cấp của Công an phường V, quận H, Hà Nội, hiện bà Nguyễn Bích H có đang ở cùng mẹ đẻ tại địa chỉ số xx ngõ xx V, phường V, quận H, Hà Nội. Tuy nhiên khi Toà án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà H thì không tống đạt được do bà H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, mẹ đẻ của bà H từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đến Tòa đối với bà H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/11/2014 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng- gọi chung là Hợp đồng giữa bà Nguyễn Bích H và Ngân hàng S được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức

và nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2018 và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước (được sửa đổi bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016) nên có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình thực hiện do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo các cam kết đã thỏa thuận là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.1]. Về yêu cầu nợ gốc:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 14/11/2014 Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng cho bà H là 10.000.000 đồng. Theo Bản tóm tắt sao kê ngày 28/3/2025 thể hiện: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày 05/01/2017 bà H đã giao dịch với tổng số tiền là 22.999.000 đồng và thanh toán cho S số tiền là 18.194.000 đồng sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ. Ngày 06/02/2017, S đã chuyển khoản nợ thẻ của bà H sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn và yêu cầu bà H phải thanh toán khoản nợ gốc tính đến ngày 28/3/2025 là 9.502.187 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín nên được chấp nhận.

[3.2]. Về yêu cầu tiền lãi quá hạn: Theo Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng, Ngân hàng TMCP S áp dụng mức lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng là 2,6%/tháng, phí chậm thanh toán bằng 6% số tiền chậm thanh toán, phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày. Theo Bản Điều khoản và Điều kiện, các bên đã thỏa thuận chi tiết các loại phí được quy định trong Biểu phí, được thông báo bằng văn bản theo địa chỉ chủ thẻ đăng ký, công bố trên website chính thức, trên phương tiện thông tin đại chúng. Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Điều 7.4, Điều 27 Điều khoản và điều kiện, việc Ngân hàng S yêu cầu bà H phải hoàn trả số tiền lãi quá hạn là 30.369.195 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xác định: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng không phải chịu án phí DSST và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà H phải chịu án phí DSST tính trên phần nghĩa vụ phải thanh toán trả cho Ngân hàng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2018;

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản1, 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

- Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về yêu cầu bà Nguyễn Bích H phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/11/2014 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng (gọi chung là Hợp đồng).

Buộc bà Nguyễn Bích H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 14/11/2014 tạm tính đến ngày 28/3/2025 là:

Nợ gốc: 9.502.187 đồng.

Lãi (bao gồm phí, lãi trong hạn và lãi quá hạn): 30.369.195 đồng.

Tổng cộng: 39.871.382 đồng.

2. Kể từ ngày 29/3/2025, bà Nguyễn Bích H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.993.569 đồng (Một triệu chín trăm chín mươi bà nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng).

Ngân hàng TMCP S được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 817.000 đồng (Tám trăm mười bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006321 ngày 06/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP S và bị đơn- bà Nguyễn Bích H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Oanh